

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HƯNG YÊN
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/DS- ST

Ngày: 18/6/2025.

“*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN, TỈNH HƯNG YÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thúy Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị H.
- Ông Phạm Minh Đức.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Nam Hải - Thẩm tra viên Tòa án.

- **Đại diện VKSND thành phố Hưng Yên:** Ông Lương Văn Q - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên mở phiên tòa công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 04/2025/TLST - DS ngày 09/01/2025, về việc “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXX - DS ngày 23/5/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; Địa chỉ: số B - B N, phường V, quận C, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thạch D - Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Việt B - Trưởng phòng G, Ngân hàng TMCP S, chi nhánh H2. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1973; HKTT: thôn Đ, xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và các tài liệu khác có liên quan, đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP S trình bày như sau:

Năm 2018, bà Trần Thị H có nhu cầu vay vốn Ngân hàng TMCP S tại Phòng G (*sau đây gọi tắt là Ngân hàng*). Qua xem xét và thẩm định, Ngân hàng xét thấy đủ điều kiện nên đã cho bà Trần Thị H vay số tiền cụ thể như sau: **Thứ nhất**, Ngày 20/12/2018, Ngân hàng và bà Trần Thị H đã ký kết Giấy đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng kèm Giấy nhận nợ số LD 1835400125, đính kèm Hợp đồng là các điều khoản chung về cấp tín dụng và phụ lục, có nội dung

chính: Ngân hàng cho bà H vay số tiền là 150.000.000 đồng; mục đích vay vốn: tiêu dùng; là loại hình vay tín chấp, không có tài sản bảo đảm. Thời hạn vay: 60 tháng; phương thức cho vay: từng lần; Lãi suất: 06 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân lần đầu là 14,8%/năm. Tại thời điểm bắt đầu từ tháng thứ 07 kể từ ngày giải ngân lần đầu, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức Lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân loại tiền VNĐ kỳ hạn 13 tháng lĩnh lãi cuối kỳ do Ngân hàng công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ cố định 7%/năm và được Ngân hàng quyết định điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần và phù hợp với quy định của Ngân hàng N về lãi suất cho vay. Lãi suất điều chỉnh trong từng thời kỳ được hiểu là lãi suất điều chỉnh nhưng định kỳ điều chỉnh là không bắt buộc. Lãi suất này đã được các bên thỏa thuận và phù hợp với quy định của pháp luật. Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền bà H vay. Đến kỳ trả nợ gốc và lãi ngày 13/11/2022, bà Trần Thị H đã không thanh toán được hết nợ gốc và lãi đến hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Hiện nay, toàn bộ số dư nợ gốc và nợ lãi của bà Trần Thị H đã chuyển sang nợ quá hạn nhóm 4 tại Ngân hàng. Tạm tính đến ngày 22/5/2025, bà H1 còn nợ Ngân hàng số tiền theo Hợp đồng số LD 1835400125 là 49.772.769 đồng (trong đó: gốc quá hạn là 35.000.000 đồng, lãi trong hạn quá hạn 3.569.591 đồng và lãi quá hạn 11.203.178 đồng.

Thứ hai, ngày 23/05/2019 Ngân hàng đã cấp hạn mức thẻ tín dụng cho bà H theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 23/05/2019 với hạn mức là 30 triệu đồng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà H1 đã thực hiện các giao dịch thẻ tín dụng với tổng số tiền là 47.700.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt đến nay bà H1 đã thanh toán cho Ngân hàng thẻ tín dụng số tiền là 49.136.799 đồng. Tính từ kỳ trả nợ gốc, lãi vào tháng 10 năm 2022, bà Trần Thị H1 đã không thanh toán nợ gốc và lãi theo cam kết và dừng hẳn việc thanh toán nợ vay cho Ngân hàng. Hiện món vay thẻ tín dụng của bà Trần Thị H cũng đã bị chuyển quá hạn nhóm 5 tại Ngân hàng. Tạm tính đến ngày 22/05/2025 bà H còn nợ số tiền là 68.825.740 đồng (trong đó nợ gốc quá hạn là 32.272.132 đồng và lãi quá hạn là 36.553.608 đồng). Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc và yêu cầu bà H phải có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ, đồng thời tạo điều kiện về mặt thời gian để bà H trả nợ, nhưng bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, vi phạm các điều khoản đã ký kết. Do bà Trần Thị H vay với mục đích là tiêu dùng cá nhân của riêng bà H, không dùng vào mục đích chung của gia đình bà H nên Ngân hàng chỉ yêu cầu một mình bà H phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Vì vậy, Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu bà H phải trả nợ cho Ngân hàng theo 02 khoản vay đã ký kết nêu trên với tổng số tiền tạm tính đến ngày 22/5/2025 là 118.598.509 đồng. Đồng thời, tiếp tục phải trả số tiền lãi theo 02 hợp đồng đã ký kết, kể từ ngày 23/5/2025 cho đến khi tất toán được toàn bộ khoản vay theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Bị đơn Trần Thị H **trình bày:** Xác nhận nội dung vay tiền của Ngân hàng như người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng trình bày. Sau khi được Ngân hàng cho vay tiền đã sử dụng khoản vay cho mục đích cá nhân riêng và đã trả được một số khoản nợ gốc và lãi, mỗi lần trả tiền Ngân hàng đều đối trừ với nợ gốc và công khai số nợ gốc, lãi còn lại. Bà H vay để sử dụng riêng, chồng bà H không biết do vợ chồng không chung về kinh tế. Ông Trần Hữu K không liên quan, không hưởng lợi từ các khoản vay nêu trên của bà H nên không có nghĩa vụ đối với các khoản vay trên của bà H với Ngân hàng. Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bà H và đại diện Ngân hàng đã gặp gỡ để bàn bạc về phương án trả nợ, bà H đề nghị với Ngân hàng và Tòa án cho thời gian để thu xếp trả nợ, nhưng thời điểm hiện tại bà H chưa có nguồn thu để trả nợ cho Ngân hàng. Bà H đã được Tòa án giải thích việc tham gia các phiên họp tiếp cận việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia phiên toà nếu không thoả thuận được nhưng hiện nay do công việc bận và do chưa có tiền để trả nợ nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, xem xét miễn giảm một phần lãi của các khoản vay. Đồng thời, có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tại tất cả các giai đoạn như các phiên họp tiếp cận việc giao nộp, công khai chứng cứ, hoà giải và xét xử.

*Do bà H có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Các đương sự trong vụ án đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên trình bày quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thu thập chứng cứ, công bố chứng cứ và niêm yết công khai văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Về đề xuất đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 96-97; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 351-353; 357; 463-466 của Bộ luật dân sự; Điều 100, 102, 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Về án phí: bà H phải chịu án phí theo quy định pháp luật, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về tố tụng: Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện bà Trần Thị H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Hiện nay, bà Trần Thị H đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa bàn thành phố H và mục đích vay vốn của bà H là để phục vụ nhu cầu tiêu dùng cá nhân nên căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS xác định đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên và quan hệ pháp luật cần giải quyết là “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt các đương sự, do các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, HĐXX thấy:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ:

Khoản vay của bà H với N1, phòng G là khoản vay nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà H với ông Trần Hữu K nhưng bà H xác định bà H và ông K không chung về kinh tế, là khoản vay bà H tiêu riêng, ông K hoàn toàn không biết các khoản vay của H với Ngân hàng. Ngoài ra, Ngân hàng xác định không đề nghị ông K phải có trách nhiệm liên đới trả nợ đối với khoản vay của bà H nên căn cứ khoản 3 Điều 45 Luật Hôn nhân gia đình, xác định đây là khoản nợ riêng của bà H nên bà H phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Do các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đưa ông K tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

2.2. Xét Giấy đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng kèm Giấy nhận nợ số LD 1835400125, ngày 20/12/2018 đính kèm Hợp đồng là các điều khoản chung về cấp tín dụng và phụ lục lịch trả nợ (***sau đây gọi tắt là Hợp đồng LD 1835400125***) và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 23/05/2019 (***sau đây gọi tắt là Thẻ tín dụng***):

Hợp đồng LD 1835400125 và Thẻ tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S, phòng G và bà Trần Thị H với các nội dung chính được nêu ở phần Nội dung vụ án thể hiện: Về hình thức, được lập thành văn bản, phù hợp với các quy định của pháp luật. Về nội dung là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên; là hình thức cho vay tín chấp, không có tài sản bảo đảm; không vi phạm điều cấm của pháp luật; không trái đạo đức xã hội nên có giá trị về mặt pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết hợp đồng. Thực tế, sau khi ký kết Ngân hàng đã thực hiện việc giải ngân số tiền 150.000.000 đồng cho bà H, bà H đã nhận đủ tiền. Khi thực hiện Hợp đồng tín dụng LD 1835400125 và Thẻ tín dụng bà H đã trả được một khoản nợ gốc và lãi, sau đó vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã cam kết.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng đề nghị xét xử vắng mặt và gửi bảng kê số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử 18/6/2025, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà H phải trả Ngân hàng tổng số tiền là **119.829.981 đồng**. Trong đó, số tiền theo Hợp đồng tín dụng LD 1835400125 là 49.799.177 đồng, gồm

35.000.000 đồng tiền nợ gốc và lãi trong hạn quá hạn, lãi quá hạn là 14.799.177 đồng. Số tiền theo Thẻ tín dụng là 70.030.804 đồng, gồm nợ gốc là 32.272.132 đồng và lãi quá hạn là 37.758.672 đồng. Đồng thời, bà H còn phải tiếp tục phải trả lãi cho Ngân hàng theo lãi suất đã ký kết trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử 18/6/2025 cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ.

Từ những phân tích nêu trên, HĐXX thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] *Về án phí*: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Bị đơn Trần Thị H phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm. Hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228 BLTTDS. Điều 463; 465; 466 Bộ luật dân sự; Điều 100, Điều 102, Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

1. Buộc bị đơn bà Trần Thị H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Giấy đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng kèm Giấy nhận nợ số LD 1835400125, ngày 20/12/2018 đính kèm Hợp đồng là các điều khoản chung về cấp tín dụng, phụ lục và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 23/05/2019 được ký kết giữa bà H và Ngân hàng TMCP S, phòng G với tổng số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 18/6/2025 với tổng số tiền là **119.829.981 đồng**. Trong đó, số tiền theo Hợp đồng tín dụng LD 1835400125 là 49.799.177 đồng, gồm 35.000.000 đồng tiền nợ gốc và lãi trong hạn quá hạn, lãi quá hạn là 14.799.177 đồng. Số tiền theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng là 70.030.804 đồng, gồm nợ gốc là 32.272.132 đồng và lãi quá hạn là 37.758.672 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử 18/6/2025, bà Trần Thị H còn tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kèm Giấy nhận nợ số LD 1835400125, ngày 20/12/2018 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 23/05/2019 cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ.

2. Về án phí: Bị đơn bà Trần Thị H phải chịu 5.991.499 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP S, số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.724.800đ theo Biên lai tạm ứng án phí số 0000614 ngày 09/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự trong vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận.

- VKSND thành phố Hưng Yên;
- Chi cục THADS T.P Hưng Yên;
- Phòng nghiệp vụ & THA, TAND tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đào Thúy Hà

